

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Bùi Đình Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 2, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thế T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 6, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Hoàng Thế T tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng ngày 20/10/2005 (Giấy chứng nhận kết hôn số 58). Giữa năm 2010 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T lười lao động và luôn kiêu căng ghen tuông, đánh chửi

chị nhiều lần, mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, nên chị phải mang con về nhà mẹ đẻ ở tại thôn 2, xã K1, huyện K từ tháng 11 năm 2010 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thế Q, sinh ngày 30/8/2006 và Hoàng Thế T1, sinh ngày 02/11/2010, đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Thế T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai ngày 29 tháng 4 năm 2020 trình bày thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2010, do bất đồng quan điểm sống, chị H không biết cách đối nhân xử thế, không tôn trọng anh và gia đình anh, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn 2, xã K1, huyện K từ tháng 11 năm 2010 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị H đã trình bày. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cả hai con (cháu Q, cháu T1) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa anh và chị H sẽ thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị H chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đến Tòa án để tham gia hòa giải.

Sự vắng mặt của bị đơn (anh T) tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị H; cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Hoàng Thế T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thế Q, sinh ngày 30/8/2006 và Hoàng Thế T1, sinh ngày 02/11/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do anh T (bị đơn) cư trú tại Thôn 6, xã K1, huyện K; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ; căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã K1 cung cấp thì hôn nhân của chị Vũ Thị H và anh Hoàng Thế T là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2010, do nghi ngờ nhau không chung thủy, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn 2, xã K1, huyện K từ tháng 11 năm 2010 đến nay không

quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị H có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thế Q, sinh ngày 30/8/2006 và Hoàng Thế T1, sinh ngày 02/11/2010, đang do chị H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao cháu Q, cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự cũng như chính quyền xã K1 cung cấp thì chị H làm kinh doanh, thu nhập T bình 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định; hiện tại chị đang nuôi dưỡng các cháu rất tốt, đảm bảo cuộc sống cho các cháu đầy đủ về mọi mặt; bên cạnh đó cháu Q, cháu T1 đều có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, cần giao cháu Q, cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo của địa phương, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Hoàng Thế T.
2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thế Q, sinh ngày 30/8/2006 và cháu Hoàng Thế T1, sinh ngày 02/11/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008859 ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu